

Số: /ĐA-UBND

Quảng Bình, ngày 10 tháng 6 năm 2026

ĐỀ ÁN
Sắp xếp thôn thuộc xã Quảng Bình

Thôn không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã; nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Sau khi kết thúc đơn vị hành chính cấp huyện, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp chính thức đi vào hoạt động (từ ngày 01/7/2025) đã và đang đặt ra những yêu cầu mới về tổ chức và hoạt động của thôn, trong đó có việc sắp xếp các thôn trong tình hình mới. Từ thực tế đó và thực hiện các chỉ đạo, kết luận, quy định của Trung ương và của tỉnh; nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của thôn phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, UBND xã Quảng Bình xây dựng Đề án sắp xếp thôn, cụ thể như sau:

I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bộ trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 22/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bộ trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 3120/SNV-XDCQ&CTTN ngày 21/5/2026 của Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa về việc xây dựng Phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; Công văn số 3706/SNV-XDCQ&CTTN ngày 08/6/2026 của Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn trình tự, hồ sơ, đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông báo kết luận số 182-TB/ĐU ngày 27/5/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Quảng Bình về việc cho chủ trương đối với Phương án sắp xếp thôn thuộc xã Quảng Bình năm 2026;

Căn cứ Thông báo kết luận số 193-TB/ĐU ngày 10/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Quảng Bình Về việc cho chủ trương về Đề án sắp xếp thôn thuộc xã Quảng Bình năm 2026;

Căn cứ tình hình thực tế về dân cư, diện tích tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của các thôn trên địa bàn xã Quảng Bình.

2. Cơ sở thực tiễn và sự cần thiết

Sau gần một năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, hoạt động của các thôn trên địa bàn xã cơ bản ổn định, phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, nhiều thôn có quy mô nhỏ, số hộ chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định, dẫn đến đầu mối tổ chức nhiều, tăng số lượng người hoạt động không chuyên trách, gây áp lực đối với ngân sách địa phương và ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, điều hành. Hiện nay, toàn xã còn 14/24 thôn chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ (350 hộ/thôn), chiếm 58,33%. Vì vậy, việc sắp xếp thôn là yêu cầu khách quan, phù hợp với chủ trương tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý ở cơ sở; đồng thời phát huy truyền thống đoàn kết cộng đồng, huy động tốt hơn các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống Nhân dân.

II. THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG, TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Về tổ chức và hoạt động của thôn

1.1. Về số lượng thôn

- Tổng số thôn: 24 thôn.
- Số đã đạt tiêu chuẩn theo quy định: 10 thôn.
- Số chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định: 14 thôn.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo).

1.2. Về tổ chức của thôn

a) Tổ chức Chi bộ, Ban Công tác Mặt trận, Chi hội đoàn thể:

(1) Thôn 1: Chi bộ đảng: 15 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 06 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 30 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 90 hội viên; Chi hội Nông dân: 68 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 37 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 103 hội viên.

(2) Thôn 2: Chi bộ đảng: 21 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 06 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 36 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 104 hội viên; Chi hội Nông dân: 92 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 48 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 100 hội viên.

(3) Thôn 3: Chi bộ đảng: 22 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 06 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 40 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 124 hội viên; Chi hội Nông dân: 112 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 30 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 93 hội viên.

(4) Thôn 4: Chi bộ đảng: 26 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 06 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 37 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 185 hội viên; Chi hội Nông dân: 80 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 48 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 107 hội viên.

(5) Thôn 5: Chi bộ đảng: 20 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 06 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 30 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 190 hội viên; Chi hội Nông dân: 105 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 35 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 100 hội viên.

(6) Thôn 6: Chi bộ đảng: 21 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 07 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 38 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 178 hội viên; Chi hội Nông dân: 169 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 39 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 107 hội viên.

(7) Thôn 7: Chi bộ đảng: 27 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 06 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 50 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 201 hội viên; Chi hội Nông dân: 130 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 39 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 77 hội viên.

(8) Thôn 8: Chi bộ đảng: 16 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 06 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 30 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 217 hội viên; Chi hội Nông dân: 187 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 64 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 160 hội viên.

(9) Thôn 9: Chi bộ đảng: 14 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 06 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 25 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 145 hội viên; Chi hội Nông dân: 153 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 33 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 82 hội viên.

(10) Thôn 10: Chi bộ đảng: 24 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 06 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 30 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 212 hội viên; Chi hội Nông dân: 177 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 80 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 126 hội viên.

(11) Thôn Mậu Đông: Chi bộ đảng: 69 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 08 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 70 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 302 hội viên; Chi hội Nông dân: 185 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 97 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 269 hội viên.

(12) Thôn Mậu Tây: Chi bộ đảng: 38 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 06 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 50 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 137 hội viên; Chi hội Nông dân: 93 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 49 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 190 hội viên.

(13) Thôn Hiền Đông: Chi bộ đảng: 83 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 06 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 70 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 302 hội viên; Chi hội Nông dân: 207 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 125 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 265 hội viên.

(14) Thôn Hiền Tây: Chi bộ đảng: 79 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 06 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 65 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 239 hội viên; Chi hội Nông dân: 123 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 103 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 210 hội viên.

(15) Thôn Giang Đông: Chi bộ đảng: 34 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 06 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 50 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 120 hội viên; Chi hội Nông dân: 197 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 65 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 168 hội viên.

(16) Thôn Giang Tây: Chi bộ đảng: 44 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 06 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 55 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 185 hội viên; Chi hội Nông dân: 143 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 66 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 183 hội viên.

(17) Thôn Triều Công: Chi bộ đảng: 49 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 08 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 160 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 234 hội viên; Chi hội Nông dân: 323 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 105 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 210 hội viên.

(18) Thôn Lê Hương: Chi bộ đảng: 60 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 12 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 180 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 439 hội viên; Chi hội Nông dân: 487 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 167 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 453 hội viên.

(19) Thôn Nga Linh: Chi bộ đảng: 52 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 06 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 150 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 435 hội viên; Chi hội Nông dân: 418 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 174 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 338 hội viên.

(20) Thôn Xa Thụ: Chi bộ đảng: 54 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 06 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 50 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 170 hội viên; Chi hội Nông dân: 180 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 159 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 270 hội viên.

(21) Thôn Công Trúc: Chi bộ đảng: 35 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 06 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 20 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 77 hội viên; Chi hội Nông dân: 17 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 28 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 53 hội viên.

(22) Thôn Trần Cầu: Chi bộ đảng: 56 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 08 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 60 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 180 hội viên; Chi hội Nông dân: 149 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 120 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 370 hội viên.

(23) Thôn Ngư Trung: Chi bộ đảng: 61 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 07 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 80 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 170 hội viên; Chi hội Nông dân: 194 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 97 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 241 hội viên.

(24) Thôn Tiền Thôn: Chi bộ đảng: 59 đảng viên; Ban Công tác Mặt trận: 07 thành viên; Chi Đoàn Thanh niên: 50 đoàn viên; Chi hội Phụ nữ: 150 hội viên; Chi hội Nông dân: 188 hội viên; Chi hội Cựu chiến binh: 98 hội viên; Chi hội Người cao tuổi: 248 hội viên.

b) Số lượng, chất lượng, cơ cấu người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động công việc ở thôn:

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo).

c) Thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự:

Số thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự của xã có 72 người (mỗi thôn có 03 người) gồm; Tổ trưởng, Tổ phó và Tổ viên.

2. Về hoạt động của thôn

Hoạt động của thôn trên địa bàn thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 185/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, bao gồm: Hoạt động tự quản và Hoạt động phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã tại địa bàn dân cư. Hoạt động tự quản của thôn do cộng đồng dân cư thảo luận, quyết định và tổ chức thực hiện trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật; hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; phong tục, tập quán, truyền thống và điều kiện thực tế của từng thôn. Hoạt động phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã được thực hiện trên cơ sở hướng dẫn của chính quyền địa phương cấp xã; phù hợp với chức năng tự quản của cộng đồng dân cư, điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP THÔN

1. Nguyên tắc, yêu cầu sắp xếp thôn

1.1. Việc sắp xếp thôn phải bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu quản lý khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời, xem xét đầy đủ các yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, điều kiện địa lý, quốc phòng, an ninh và sự gắn kết tự nhiên của cộng đồng dân cư và địa bàn có yếu tố tôn giáo; gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng "2 con số" và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

1.2. Quá trình thực hiện phải giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, không để xảy ra điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở; giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết cộng đồng và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng; điều hành của chính quyền các cấp; hướng dẫn, triển khai của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; thực hiện thống nhất với kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức chi bộ, ban công tác mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở thôn.

1.3. Việc bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở thôn phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định gắn với triển khai thực hiện sắp xếp thôn ở địa phương; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách, bảo đảm quyền lợi, ổn định tư tưởng của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn trong tổ chức thực hiện.

1.4. Lựa chọn, giới thiệu người hoạt động không chuyên trách ở thôn là người có uy tín, sức khỏe, tâm huyết, trách nhiệm, năng lực vận động Nhân dân, từng bước trẻ hóa, nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng quản trị cộng đồng, chất lượng, hiệu quả phục vụ Nhân dân.

1.5. Việc đặt tên thôn được thực hiện đồng thời trong quy trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn; việc đổi tên thôn thực hiện trong trường hợp trùng tên thôn trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã hoặc theo nguyện vọng của Nhân dân ở thôn.

1.6. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận cao của Nhân dân; bảo đảm người dân được thông tin đầy đủ, tham gia góp ý, giám sát việc sắp xếp thôn theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tiêu chuẩn sắp xếp thôn

2.1. Thôn mới sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn theo quy định; cụ thể: Thôn có từ 350 hộ trở lên.

2.2. Thôn trên địa bàn xã phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng dân cư và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

3. Phương án tổng thể sắp xếp thôn

3.1. Tổng số thôn: 24 thôn, trong đó:

a) Tổng số thôn thực hiện sắp xếp: 16 thôn¹ gồm:

- Thôn chưa đạt tiêu chuẩn: 14 thôn².

- Thôn đạt tiêu chuẩn: 02 thôn³.

b) Số thôn không thực hiện sắp xếp: 08 thôn⁴. gồm:

- Thôn chưa đạt tiêu chuẩn: không.

- Thôn đạt tiêu chuẩn: 08 thôn.

3.2. Phương án và kết quả sắp xếp:

a) Phương án sắp xếp:

Thực hiện sắp xếp 16 thôn thành 07 thôn; đề nghị không thực hiện sắp xếp 08 thôn, cụ thể:

(1) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của Thôn 1, Thôn 2 và Thôn 3 thành thôn mới có tên gọi là **thôn Điền Thượng** (sắp xếp toàn bộ).

- Lý do sắp xếp: cùng làng Đồn Điền cũ, chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi, phù hợp quy hoạch khu dân cư mới.

- Lý do đặt tên gọi: Theo lịch sử hình thành cộng đồng dân cư, làng xã.

- Vị trí đặt nhà văn hóa, khu thể thao của thôn mới: Nhà văn hóa Thôn 3 cũ.

- Sau khi sắp xếp, **thôn Điền Thượng** có diện tích 97,87 ha, 607 hộ.

(2) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của Thôn 4 và Thôn 5 thành thôn mới có tên gọi là **thôn Điền Nam** (sắp xếp toàn bộ).

- Lý do sắp xếp: cùng làng Đồn Điền cũ, chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi, phù hợp quy hoạch khu dân cư mới.

- Lý do đặt tên gọi: Theo lịch sử hình thành cộng đồng dân cư, làng xã.

- Vị trí đặt nhà văn hóa, khu thể thao của thôn mới: Nhà văn hóa Thôn 5 cũ.

- Sau khi sắp xếp, **thôn Điền Nam** có diện tích 73,09 ha, 485 hộ.

¹ Thôn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, thôn Mậu Tây, thôn Mậu Đông, thôn Giang Đông, thôn Giang Tây, thôn Trần Cầu, thôn Công Trúc.

² Thôn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, thôn Mậu Tây, thôn Giang Đông, thôn Giang Tây, thôn Công Trúc.

³ Thôn Mậu Đông, thôn Trần Cầu.

⁴ Thôn Hiền Đông, Hiền Tây, Triều Công, Lê Hương, Nga Linh, Xa Thụ, Ngưu Trung, Tiền Thôn.

(3) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của Thôn 6 và Thôn 7 thành thôn mới có tên gọi là **thôn Điền Vượng** (sắp xếp toàn bộ).

- Lý do sắp xếp: Thôn 6 thuộc làng Đồn Điền cũ; Thôn 7 là thôn Vượng Hải trước đây, có chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi, phù hợp quy hoạch khu dân cư mới.

- Lý do đặt tên gọi: Theo lịch sử hình thành cộng đồng dân cư, làng xã.

- Vị trí đặt nhà văn hóa, khu thể thao của thôn mới: Nhà văn hóa Thôn 7 cũ.

- Sau khi sắp xếp, **thôn Điền Vượng** có diện tích 100,78 ha, 601 hộ.

(4) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của Thôn 8, Thôn 9 và Thôn 10 thành thôn mới có tên gọi là **thôn Hà Đông** (sắp xếp toàn bộ).

- Lý do sắp xếp: cùng làng Hà Đông cũ, chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi, phù hợp quy hoạch khu dân cư mới.

- Lý do đặt tên gọi: Theo lịch sử hình thành cộng đồng dân cư, làng xã.

- Sau khi sắp xếp, **thôn Hà Đông** có diện tích 129,47 ha, 686 hộ.

- Vị trí đặt nhà văn hóa, khu thể thao của thôn mới: Nhà văn hóa Thôn 9 cũ.

(5) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Mậu Đông và thôn Mậu Tây thành thôn mới có tên gọi là **thôn Mậu Xương** (sắp xếp toàn bộ).

- Lý do sắp xếp: cùng làng Mậu Xương cũ, chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi, phù hợp quy hoạch khu dân cư mới.

- Lý do đặt tên gọi: Theo lịch sử hình thành cộng đồng dân cư, làng xã

- Vị trí đặt nhà văn hóa, khu thể thao của thôn mới: Nhà văn hóa Mậu Đông cũ.

- Sau khi sắp xếp, **thôn Mậu Xương** có diện tích 235,61 ha, 761 hộ.

(6) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Giang Đông và thôn Giang Tây thành thôn mới có tên gọi là **thôn Lịch Giang** (sắp xếp toàn bộ).

- Lý do sắp xếp: cùng làng Lịch Giang cũ, chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi, phù hợp quy hoạch khu dân cư mới.

- Lý do đặt tên gọi: Theo lịch sử hình thành cộng đồng dân cư, làng xã.

- Vị trí đặt nhà văn hóa, khu thể thao của thôn mới: Nhà văn hóa Giang Tây cũ.

- Sau khi sắp xếp, **thôn Lịch Giang** có diện tích 185,37 ha, 492 hộ.

(7) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Trần Cầu và thôn Công Trúc thành thôn mới có tên gọi là **thôn Trần Cầu** (sắp xếp toàn bộ).

- Lý do sắp xếp: Một phần của thôn Công Trúc trước đây thuộc làng Trần Cầu, có chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi, phù hợp quy hoạch khu dân cư mới.

- Lý do đặt tên gọi: Theo lịch sử hình thành cộng đồng dân cư, làng xã.

- Vị trí đặt nhà văn hóa, khu thể thao của thôn mới: Nhà văn hóa Trần Cầu cũ.

- Sau khi sắp xếp, **thôn Trần Cầu** có diện tích 233,46 ha, 593 hộ.

(Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo).

b) Kết quả sau khi sắp xếp:

Sau khi sắp xếp, xã Quảng Bình có 15 thôn; trong đó có 07 thôn mới hình thành sau sắp xếp theo quy định tại Khoản 3.2 Điểm 3 Mục III và 08 thôn không thực hiện sắp xếp là: Thôn Hiền Đông, thôn Hiền Tây, thôn Triều Công, thôn Lê Hương, thôn Nga Linh, thôn Xa Thụ, thôn Ngưu Trung, thôn Tiền Thôn; trong đó:

(1) Về quy mô số hộ:

- Số thôn mới đạt tiêu chuẩn: 15 thôn

- Số thôn mới chưa đạt tiêu chuẩn: Không

(2) Về diện tích tự nhiên:

Thôn Điền Thượng 97,87 ha; thôn Điền Nam 73,09 ha; thôn Điền Vượng 100,78 ha; thôn Hà Đông 100,78 ha; thôn Mậu Xương 235,61 ha; thôn Lịch Giang 185,37 ha; thôn Trần Cầu 233,46 ha; thôn Hiền Đông 150,88 ha; thôn Hiền Tây 121,35 ha; thôn Triều Công 139,42 ha; thôn Lê Hương 191,31 ha; thôn Nga Linh 213,38 ha; thôn Xa Thụ 157,89 ha; thôn Ngưu Trung 170,88 ha; thôn Tiền Thôn 146,48 ha.

(3) Về tên gọi: có 09 thôn đặt tên gọi theo một trong các thôn, trước khi sắp xếp; 06 thôn sử dụng tên gọi truyền thống trước đây; có 15 thôn sử dụng tên chữ và không có thôn sử dụng số tự nhiên.

4. Giải trình đối với các thôn chưa đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp; các thôn mới sau sắp xếp chưa đạt tiêu chuẩn; thôn có quy mô số hộ, diện tích tự nhiên lớn

4.1. Các thôn chưa đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp: Không

4.2 Các thôn mới sau sắp xếp chưa đạt tiêu chuẩn: Không

4.3. Các thôn mới sau sắp xếp có quy mô số hộ lớn: 01 thôn

(Chi tiết tại Phụ lục 04, 05 kèm theo).

5. Kinh phí thực hiện Đề án: Có Phụ lục đính kèm.

6. Đánh giá tác động của việc sắp xếp thôn

5.1. Ưu điểm:

Sắp xếp thôn trên địa bàn xã để thành lập các thôn có quy mô lớn, tạo ra nguồn lực mạnh từ cộng đồng dân cư; nâng cao hiệu quả hoạt động của thôn, hoạt động của chi bộ và tổ chức chính trị - xã hội; việc giảm 37,5% số thôn sẽ giảm 18 người hoạt động không chuyên trách; mỗi năm dự kiến sẽ giảm gần 1 tỷ đồng từ ngân sách chi cho thôn; là cơ sở để từng bước nâng mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn trong thời gian tới; góp phần tinh gọn đầu mối, tinh giản số lượng, cơ cấu lại đội ngũ, giảm tải áp lực, góp phần bảo đảm yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng "2 con số" và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân tại địa bàn cơ sở.

5.2. Hạn chế:

Sau khi sắp xếp, quy mô dân cư của một số thôn tăng lên, khối lượng công việc của đội ngũ Bí thư chi bộ, Trưởng thôn và người hoạt động không chuyên trách lớn hơn trước. Một số nhà văn hóa hiện có chưa đáp ứng yêu cầu

sinh hoạt cộng đồng của thôn mới; việc bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ thôn đôi dư cũng có thể ảnh hưởng đến tâm tư, nguyện vọng của một số cá nhân, đòi hỏi phải thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động và giải quyết chế độ, chính sách theo quy định.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về công tác thông tin tuyên truyền

Tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về sắp xếp, tổ chức lại thôn. Tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, sự cần thiết của việc sắp xếp thôn nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; phát huy hiệu quả nguồn lực đầu tư, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuyên truyền nội dung Đề án sắp xếp thôn, bao gồm: phạm vi sắp xếp, tên gọi thôn mới, quy mô dân số, địa giới hành chính, địa điểm sinh hoạt cộng đồng, phương án tổ chức hoạt động của thôn sau sắp xếp và các nội dung có liên quan. Tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, người có uy tín trong cộng đồng dân cư gương mẫu, đi đầu trong việc thực hiện chủ trương sắp xếp thôn, góp phần tạo sự thống nhất trong Nhân dân.

Thông tin đầy đủ về thực trạng tổ chức các thôn hiện nay; các tiêu chí, điều kiện thực hiện sắp xếp thôn theo quy định; những thuận lợi, lợi ích mang lại sau khi thực hiện sắp xếp. Thông tin về quyền và trách nhiệm của cử tri trong việc tham gia góp ý, biểu quyết đối với phương án sắp xếp thôn; trình tự, thủ tục, thời gian và hình thức lấy ý kiến Nhân dân.

Kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của Nhân dân; giải đáp các ý kiến, phản ánh, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện. Đấu tranh, phản bác các thông tin sai lệch, không chính xác liên quan đến việc sắp xếp thôn; bảo đảm ổn định tình hình tư tưởng và giữ vững đoàn kết trong cộng đồng dân cư.

2. Về xây dựng đề án và thực hiện trình tự, hồ sơ, đề án

2.1. Xây dựng đề án

Căn cứ Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; UBND xã xây dựng Đề án sắp xếp thôn; báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày **10/6/2026**.

2.2. Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân

UBND xã xây dựng kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với nội dung sắp xếp thôn; xác định rõ cách thức, thời hạn triển khai và trách nhiệm thực hiện; quyết định lựa chọn hình thức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình; nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của Nhân dân; tổng hợp, hoàn chỉnh đề án theo quy định.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày **20/6/2026**.

2.3. UBND xã trình HĐND xã xem xét, ban hành Nghị quyết về việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn

Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày **25/6/2026**.

3. Về định hướng chức danh, số lượng, tiêu chuẩn của người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở thôn mới

3.1. Về chức danh, số lượng

a) Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn gồm: Trưởng thôn; Bí thư Chi bộ; Trưởng Ban Công tác Mặt trận. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn không quá 03 người theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ.

b) Chức danh Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ Bảo vệ an ninh, trật tự: Kiện toàn, sắp xếp lại theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và trên cơ sở phù hợp với diện tích, dân cư, tình hình phức tạp về an ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư (do HĐND tỉnh quyết định).

c) Các chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, gồm:

Phó Trưởng thôn; Thôn đội trưởng; Bí thư Chi đoàn Thanh niên; Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ; Chi hội trưởng Chi hội Nông dân; Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh.

d) Đối với các chức danh khác như: Người cao tuổi, Khuyến học...: Thực hiện theo Điều lệ của tổ chức và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên.

3.2. Về tiêu chuẩn

a) Đối với các chức danh: Bí thư Chi bộ; Trưởng Ban công tác mặt trận; Thôn đội trưởng; Bí thư Chi đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng các Chi hội: Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh: Thực hiện theo Điều lệ Đảng, mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên có thẩm quyền.

b) Đối với chức danh Trưởng thôn: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

c) Đối với chức danh Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ Bảo vệ an ninh, trật tự: Theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

d) Đối với chức danh Phó Trưởng thôn: Thực hiện theo tiêu chuẩn của Trưởng thôn.

đ) Đối với các chức danh khác như: Người cao tuổi, Khuyến học...: Thực hiện theo Điều lệ của tổ chức và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên.

3.3. Về chế độ, chính sách

a) Đối với chức danh người hoạt động không chuyên trách: Thực hiện bằng mức ngân sách nhà nước khoán quỹ phụ cấp để chi phụ cấp hằng tháng theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP2; chế độ, chính sách khác thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 16 Nghị định này.

b) Đối với chức danh Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ Bảo vệ an ninh, trật tự: Theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và theo quy định được HĐND tỉnh phê duyệt trên cơ sở ngân sách tỉnh bảo đảm phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương.

c) Đối với các chức danh người tham gia hoạt động ở thôn: Ngân sách tỉnh bảo đảm phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương.

3.4. Về định hướng bố trí, chỉ định, bầu cử, tuyển chọn người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở thôn

a) Đối với các chức danh: (1) Bí thư Chi bộ; (2) Trưởng Ban công tác mặt trận; (3) Thôn đội trưởng; (4) Bí thư Chi đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng Chi hội: Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh: Thực hiện theo Điều lệ Đảng, mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên có thẩm quyền.

b) Đối với chức danh Trưởng thôn: Trên cơ sở chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy xã, UBND xã chỉ định Trưởng thôn lâm thời để điều hành hoạt động của thôn mới cho đến khi bầu được Trưởng thôn. Thời gian chỉ định Trưởng thôn lâm thời không quá 06 tháng.

c) Đối với tổ bảo vệ an ninh, trật tự và các chức danh tổ trưởng, tổ phó, tổ viên: Kiện toàn, sắp xếp lại lực lượng này theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và trên cơ sở phù hợp với diện tích, dân cư, tình hình phức tạp về an ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư.

d) Đối với Phó Trưởng thôn: Thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố do UBND tỉnh ban hành.

3.5. Về nhiệm kỳ của Trưởng thôn: UBND tỉnh thống nhất thực hiện nhiệm kỳ các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh (bao gồm cả thôn, tổ dân phố không thực hiện sắp xếp và thôn, tổ dân phố mới hình thành sau sắp xếp) bắt đầu từ ngày 01/7/2026 và kết thúc vào ngày 01/9/2030, gắn với nhiệm kỳ 2025 - 2030 của Chi bộ đảng ở thôn; bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong toàn tỉnh; UBND xã thực hiện quyết định kết thúc nhiệm kỳ của các thôn trong ngày 30/6/2026; để thực hiện nhiệm kỳ mới từ ngày 01/7/2026.

4. Về chính sách hỗ trợ nghỉ việc do sáp nhập thôn

4.1. Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế.

4.2. Chủ tịch UBND xã căn cứ Quyết định số 31/2026/QĐ-CTUBND ngày 21/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh để phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

5. Về bố trí nhà văn hóa, sử dụng tài sản công của thôn

UBND xã rà soát toàn bộ hiện trạng nhà văn hóa, khu thể thao, thiết chế văn hóa, tài sản công của các thôn trước khi sắp xếp để xây dựng phương án quản lý, sử dụng sau sắp xếp theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí; phát huy hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng bỏ không, xuống cấp, sử dụng sai mục đích. Đối với các thôn trước khi sáp nhập đã

có nhà văn hóa - khu thể thao mà vẫn đáp ứng được sinh hoạt của cộng đồng dân cư thì tiếp tục sử dụng. Các thôn sau khi sắp xếp không thể sử dụng được nữa cần cải tạo hoặc xây dựng mới, UBND xã dự kiến vị trí, diện tích và nhu cầu kinh phí cần để xây dựng mới hoặc cải tạo lại. Đối với các cơ sở dôi dư hoặc không còn phù hợp, UBND xã tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét phương án điều chuyển, sử dụng vào mục đích công cộng khác hoặc xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Cụ thể phương án bố trí sử dụng nhà văn hóa, khu thể thao của các thôn sau khi sắp xếp chi tiết như sau:

5.1. Đối với thôn Điện Thượng

- Nhà văn hóa: Xây mới 1 khu nhà văn hóa tại khu văn hóa Thôn 3 cũ; diện tích 350 m²; dự kiến kinh phí 6 tỷ đồng.

- Khu thể thao: Vị trí trong khuôn viên nhà văn hóa thôn; diện tích 1.000 m²; kinh phí cải tạo dự kiến 0,5 tỷ đồng.

5.2. Đối với thôn Điện Nam

Nhà văn hóa: Sử dụng nhà văn hóa hiện có của Thôn 5 cũ; diện tích 300 m².

Khu thể thao: Sử dụng khu thể thao hiện có của Thôn 5 cũ; diện tích 2.200 m².

2.2.3. Đối với thôn Điện Vượng

- Nhà văn hóa: Xây mới 1 nhà Văn hóa tại Thôn 7 cũ; diện tích 350 m²; dự kiến kinh phí 6 tỷ đồng.

- Khu thể thao: Sử dụng khu thể thao trong khuôn viên nhà văn hóa thôn dự kiến kinh phí nâng cấp, cải tạo 0,5 tỷ đồng.

2.2.4. Đối với thôn Hà Đông

Nhà văn hóa: Sử dụng nhà văn hóa hiện có của Thôn 9 cũ; diện tích 173 m².

Khu thể thao: Cải tạo nâng cấp khu thể thao trong khuôn viên nhà văn hóa, diện tích 1.200 m²; dự kiến kinh phí cải tạo, nâng cấp 0,5 tỷ đồng.

2.2.5. Đối với thôn Mậu Xương

Nhà văn hóa: Sử dụng nhà văn hóa hiện có của thôn Mậu Đông cũ; diện tích 200 m².

Khu thể thao: Sử dụng khu thể thao hiện có của thôn Mậu Đông cũ; diện tích 1.000 m².

2.2.5. Đối với thôn Lịch Giang

Nhà văn hóa: Sử dụng nhà văn hóa hiện có của Giang Tây cũ; diện tích 200 m².

Khu thể thao: Cải tạo nâng cấp khu thể thao trong khuôn viên nhà văn hóa, diện tích 300 m²; dự kiến kinh phí cải tạo, nâng cấp 0,5 tỷ đồng.

2.2.4. Đối với thôn Trần Cầu

Nhà văn hóa: Sử dụng nhà văn hóa hiện có của Trần Cầu cũ; diện tích 350 m².

Khu thể thao: Cải tạo nâng cấp khu thể thao hiện có của thôn Trần Cầu cũ, diện tích 2.234 m²; dự kiến kinh phí cải tạo, nâng cấp 0,5 tỷ đồng.

6. Về chuyển đổi một số loại giấy tờ cơ bản của công dân và tổ chức

UBND xã chỉ đạo Công an xã, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan lập kế hoạch, thông báo, hướng dẫn người dân chuyển đổi theo quy định; tiến hành thực hiện chuyển đổi giấy tờ cho người dân, tổ chức phục vụ tại cấp xã.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kiến nghị và đề xuất

Đề nghị UBND tỉnh quan tâm hỗ trợ kinh phí để đầu tư xây dựng, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao thôn theo nội dung tại Mục 5 Phần IV của Đề án.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Phòng Văn hóa - Xã hội

Tham mưu cho UBND xã:

Xây dựng Đề án sắp xếp thôn; Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và trình HĐND xã thông qua việc sắp xếp thôn thuộc xã Quảng Bình

Trình Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban chấp hành Đảng bộ xã cho ý kiến về Đề án sắp xếp thôn thuộc xã Quảng Bình.

Thành lập Tổ lấy ý kiến Nhân dân về việc sắp xếp thôn trên địa bàn xã.

Chuẩn bị đầy đủ phiếu lấy ý kiến Nhân dân có đóng dấu treo của UBND xã, Biên bản kiểm phiếu về việc phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình về sắp xếp thôn và hồ sơ, tài liệu có liên quan phục vụ cho các thôn tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về việc sắp xếp thôn.

Tổng hợp kết quả kiểm phiếu; báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân về việc sắp xếp thôn.

Tham mưu cho UBND xã tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân để hoàn thiện hồ sơ trình HĐND xã xem xét, quyết định.

Chuẩn bị hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn gồm: Tờ trình của UBND xã; Đề án sắp xếp thôn của UBND xã; Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân; Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân (nếu có); Dự thảo Nghị quyết của HĐND xã.

Niêm yết công khai Đề án sắp xếp thôn, kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, nội dung lấy ý kiến Nhân dân.

Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế xây dựng dự toán kinh phí phục vụ việc sắp xếp thôn trình Chủ tịch UBND xã xem xét, quyết định.

Thực hiện chế độ, chính sách cho những người hoạt động không chuyên trách ở thôn nghĩ việc do việc sắp xếp lại thôn theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế.

2.2. Phòng Kinh tế

Tham mưu cho UBND xã bố trí nguồn kinh phí để thực hiện việc sắp xếp thôn theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2.3. Văn phòng HĐND - UBND xã

Chuẩn bị các điều kiện đảm bảo về hội trường, phòng họp phục vụ hội nghị, giao ban về công tác sắp xếp thôn; bố trí phương tiện cho lãnh đạo xã kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện ở các thôn.

2.4. Trung tâm Cung ứng dịch vụ công

Tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về sắp xếp, tổ chức lại thôn.

Tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, sự cần thiết của việc sắp xếp thôn nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; phát huy hiệu quả nguồn lực đầu tư, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tuyên truyền nội dung Đề án sắp xếp thôn, bao gồm: phạm vi sắp xếp, tên gọi thôn mới, quy mô dân số, địa giới hành chính, địa điểm sinh hoạt cộng đồng, phương án tổ chức hoạt động của thôn sau sắp xếp và các nội dung có liên quan.

Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh của xã, các cụm loa truyền thanh thôn; tăng cường thời lượng phát sóng các nội dung liên quan đến việc sắp xếp thôn và kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân. Tổ chức tuyên truyền trực quan bằng băng rôn, khẩu hiệu, pa nô, áp phích tại các khu vực trung tâm xã, nhà văn hóa thôn và các tuyến đường chính.

Thông tin đầy đủ về thực trạng tổ chức các thôn hiện nay; các tiêu chí, điều kiện thực hiện sắp xếp thôn theo quy định; những thuận lợi, lợi ích mang lại sau khi thực hiện sắp xếp. Thông tin về quyền và trách nhiệm của cử tri trong việc tham gia góp ý, biểu quyết đối với phương án sắp xếp thôn; trình tự, thủ tục, thời gian và hình thức lấy ý kiến Nhân dân.

Đăng tải thông tin trên Trang thông tin điện tử của xã, các nhóm Zalo, mạng xã hội chính thức của địa phương để Nhân dân dễ dàng tiếp cận thông tin.

2.5. Công an xã

Xây dựng phương án chi tiết, bố trí lực lượng đảm bảo an toàn tuyệt đối trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ sắp xếp thôn trên địa bàn xã.

Tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra nắm chắc tình hình địa bàn, dự báo các yếu tố phức tạp, nhất là các vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, khiếu kiện đông người; kịp thời phát hiện, xử lý các tình huống phát sinh, không để bị động, bất ngờ.

Tham mưu cho UBND xã kiện toàn Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn mới sau sắp xếp theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan lập kế hoạch, thông báo, hướng dẫn người dân chuyển đổi theo quy định; tiến hành thực hiện chuyển đổi giấy tờ cho người dân, tổ chức sau sắp xếp thôn.

2.6. Ban Chỉ huy Quân sự xã

Phối hợp với công an tổ chức tuần tra, kiểm tra nắm chắc tình hình địa bàn, dự báo các yếu tố phức tạp, nhất là các vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật

tự an toàn xã hội, khiếu kiện đông người; kịp thời phát hiện, xử lý các tình huống phát sinh, không để bị động, bất ngờ.

Tham mưu cho UBND xã kiện toàn Thôn đội trưởng dân quân ở các thôn mới sau sắp xếp theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

2.7. Các đơn vị thôn

Tuyên truyền Đề án sắp xếp thôn, Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và các tài liệu liên quan thông qua các cuộc họp chi bộ, sinh hoạt của các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, tổ liên gia và các cuộc họp cộng đồng dân cư, tuyên truyền trên hệ thống loa thôn, niêm yết tại nhà văn hóa thôn, để mọi người dân được biết.

Đăng tải thông tin trên các nhóm Zalo, mạng xã hội chính thức của thôn để Nhân dân dễ dàng tiếp cận thông tin.

Xây dựng Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân; thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến có từ 3-5 thành viên. Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến nhân dân về sắp xếp thôn theo quy định; kết hợp tuyên truyền, giải thích và cung cấp thông tin đầy đủ về phương án sắp xếp thôn để cử tri nghiên cứu, tham gia ý kiến. Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu về việc phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình về sắp xếp thôn báo cáo UBND xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội). Thời gian hoàn thành: Chậm nhất ngày **14/6/2026**.

Tổ chức hội nghị tổng kết hoạt động của thôn theo hướng dẫn của các cơ quan, đơn vị.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương, việc sắp xếp thôn trên địa bàn xã phù hợp với yêu cầu đổi mới tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở. Việc sắp xếp thôn không chỉ góp phần tinh gọn đầu mối, giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách, tiết kiệm chi ngân sách mà còn tạo điều kiện phát huy truyền thống đoàn kết cộng đồng, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống Nhân dân trên địa bàn từng thôn và toàn xã.

UBND xã báo cáo BTV, BCH Đảng ủy xã và kính trình HĐND xã xem xét, cho ý kiến và quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nội vụ (để b/c);
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- UB MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội (để p/h);
- Các đơn vị thôn;
- Trung tâm Cung ứng dịch vụ công;
- Lưu: VT, VHXH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trịnh Thị Nguyên

Phụ lục số 01: Thống kê thực trạng thôn của xã Quảng Bình
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Quảng Bình)

TT	Tên thôn	Số hộ	Số khẩu	Diện tích (ha)	Số người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố	Số đảng viên Chi bộ	Số thành viên Ban công tác Mặt trận	Số đoàn viên Chi đoàn Thanh niên	Số hội viên Chi hội Cựu chiến binh	Số hội viên Chi hội Nông dân	Số hội viên Chi hội Phụ nữ	Nhà văn hóa thôn, tổ dân phố (nếu có)		Khu thể thao thôn, tổ dân phố (nếu có)		Khoảng cách từ khu dân cư của thôn đến khu dân cư của thôn, tổ dân phố khác gần nhất trong cùng xã, phường (liên cư)				Ghi chú
												Có nhưng chưa đạt chuẩn	Có và đạt chuẩn theo quy định	Có nhưng chưa đạt chuẩn	Có và đạt chuẩn theo quy định	Liên kề hoặc nhỏ hơn 0,5 km	Từ 0,5 - 1,5 km	Từ 1,5 - 2,5 km	Trên 2,5 km	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1	Thôn 1	180	928	35,03	2	15	6	30	37	68	90					X				Không có NVH
2	Thôn 2	232	1.142	31,67	2	21	6	36	48	92	104	X		X		X				
3	Thôn 3	195	907	31,17	2	22	6	40	30	112	124	X		X		X				
4	Thôn 4	256	1.305	37,36	2	26	6	37	48	80	185	X		X		X				
5	Thôn 5	229	1.118	35,73	2	20	6	30	35	105	190		X	X			X			
6	Thôn 6	294	1.415	46,32	2	21	7	38	39	169	178	X				X				Không có khu thể thao
7	Thôn 7	307	1.470	54,46	2	27	6	50	36	130	201	X		X		X				
8	Thôn 8	270	1.350	46,69	2	16	6	30	64	187	217	X		X		X				
9	Thôn 9	166	762	25,04	2	14	6	25	33	153	145	X		X		X				
10	Thôn 10	250	1.198	57,74	2	24	6	30	80	177	212	X		X		X				
11	Mậu Đông	480	2.433	153,14	2	69	8	70	97	185	302		X	X		X				
12	Mậu Tây	281	1.368	82,47	2	38	6	50	49	93	137		X	X			X			
13	Hiền Đông	455	2.163	150,88	2	83	6	70	125	207	302		X		X		X			
14	Hiền Tây	413	1.844	121,35	2	79	6	65	103	123	239	X		X		X				
15	Giang Đông	214	1.025	104,61	2	34	6	50	65	197	120		X	X		X				
16	Giang Tây	278	1.336	80,76	2	44	6	55	66	143	185		X	X		X				
17	Triều Công	411	1.959	139,42	2	49	8	160	105	323	234	X		X	X	X				
18	Lê Hương	659	3.139	191,31	2	60	12	180	167	487	439	X		X		X				

19	Nga Linh	673	3.233	213,38	2	52	6	150	174	418	435	x			x	x				
20	Xa Thư	439	1.917	157,89	2	54	6	50	159	180	170		x		x		x			
21	Công Trúc	119	509	22,86	2	35	6	20	28	17	77	x			x		x			
22	Trần Cầu	474	1.946	210,60	2	56	8	60	120	149	180		x		x	x				
23	Ngư Trung	388	1.656	170,88	2	61	7	80	97	194	170	x			x		x			
24	Tiền Thôn	370	1.506	146,48	2	59	7	50	98	188	150		x		x		x			
Cộng		8.033	37.629	2.347,24	48	979	159	1.456	1.903	4.177	4.786	14	9	15	8	17	7			

**Phụ lục số 02: Thống kê số lượng người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn
của xã Quảng Bình**

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Quảng Bình)

TT	Chức danh	Số lượng	Đang viên	Dân tộc thiểu số	Trình độ									Độ tuổi			
					Văn hoá			Chuyên môn			Lý luận chính trị			Dưới 40 tuổi	Từ 40 đến 50 tuổi	Từ 50 đến 60 tuổi	Trên 60 tuổi
					Tiểu học	THCS	THPT	Chưa đào tạo	Trung cấp hoặc cao đẳng	Đại học hoặc sau đại học	Chưa đào tạo	Trung cấp hoặc sơ cấp	Cao cấp hoặc cử nhân				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
	Tổng cộng	48	48	0	0	10	38	28	12	8	29	19	0	11	17	8	12
	Người hoạt động không chuyên trách																
1	Bí thư Chi bộ	24	24			8	16	17	5	2	12	12		3	4	6	11
2	Trưởng thôn	18	18			1	17	7	6	5	11	7		6	9	2	1
3	Trưởng ban Công tác Mặt trận	6	6			1	5	4	1	1	6			2	4		
	Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố																
1	Thôn đội trưởng																

Ghi chú: Trường hợp 1 người kiêm nhiệm thêm 1 chức danh khác thì chỉ thống kê ở 1 chức danh có mức phụ cấp cao nhất

- Bí thư Chi bộ kiêm trưởng thôn: 06 người
- Bí thư Chi bộ kiêm trưởng Ban ban công tác Mặt trận thôn: 18 người
- Trưởng thôn kiêm Thôn đội trưởng dân quân: 16 người
- Bí thư Chi bộ kiêm thôn đội trưởng Dân quân: 02 người
- Trưởng ban công tác Mặt trận thôn kiêm thôn đội trưởng dân quân: 06 người

Phụ lục số 03: Tổng hợp Đề án sắp xếp thôn của xã Quảng Bình

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Quảng Bình)

TT	Sắp xếp, tổ chức lại các thôn, tổ dân phố có tên, số hộ và diện tích dưới đây															Để thành lập thôn, tổ dân phố mới			Thôn, tổ dân phố mới sử dụng, sửa chữa lại nhà văn hóa hiện nay hoặc phải xây dựng mới		
	Tên thôn	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên thôn	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên thôn	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên thôn	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên thôn	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên gọi mới	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Sử dụng lại hoặc sửa chữa, mở rộng	Xây mới	
																				Diện tích (m ²)	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1	Thôn 1	180	35,03	Thôn 2	232	31,67	Thôn 3	195	31,17							Thôn Điền Thượng	607	97,87		350	6
2	Thôn 4	256	37,36	Thôn 5	229	35,73										Thôn Điền Nam	485	73,09	x		
3	Thôn 6	294	46,32	Thôn 7	307	54,46										Thôn Điền Vượng	601	100,78		350	6
4	Thôn 8	270	46,69	Thôn 9	166	25,04	Thôn 10	250	57,74							Thôn Hà Đông	686	129,47	x		
5	Thôn Mậu Đông	480	153,14	Thôn Mậu Tây	281	82,47										Thôn Mậu Xương	761	235,61	x		
6	Thôn Giang Đông	214	104,61	Thôn Giang Tây	278	80,76										Thôn Lịch Giang	492	185,37	x		
7	Thôn Trần Cầu	474	210,60	Thôn Cống Trúc	119	22,86										Thôn Trần Cầu	593	233,46	x		
Cộng		2.168	634		1.612	333		445	89								4.225	1.055,65	5	700	12

Phụ lục số 05: Giải trình đối với thôn mới có quy mô số hộ lớn hơn 2 lần tiêu chuẩn
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Quảng Bình)

TT	Tên thôn	Số hộ	Diện tích (ha)	Nội dung giải trình
1	Thôn Mậu Xương	761	235,61	<p>- Thôn Mậu Tây có 281 hộ chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm d, Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ. Về lịch sử hình thành: Thôn Mậu Đông và thôn Mậu Tây thuộc xã Quảng Lưu trước đây, có nguồn gốc từ làng Mậu Xương cổ. Trong quá trình hình thành và phát triển của địa phương, do yêu cầu quản lý hành chính qua các thời kỳ, làng Mậu Xương được chia tách thành các đơn vị thôn như hiện nay. Tuy nhiên, về lịch sử, văn hóa và đời sống cộng đồng, Nhân dân hai thôn Mậu Đông và Mậu Tây vẫn luôn có mối quan hệ gắn bó mật thiết, cùng kế thừa các giá trị truyền thống của làng Mậu Xương xưa. Hai thôn có vị trí địa lý liền kề, hệ thống giao thông kết nối thuận lợi, điều kiện tự nhiên tương đồng; có chung phong tục tập quán, tín ngưỡng, các thiết chế văn hóa cộng đồng và mối quan hệ dòng họ lâu đời. Hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế, các phong trào văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh giữa hai thôn có sự liên kết chặt chẽ, tạo thuận lợi cho việc tổ chức, quản lý và điều hành sau khi sắp xếp.</p> <p>- Việc lựa chọn tên gọi “Mậu Xương” sau sắp xếp có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống của địa phương; góp phần giữ gìn bản sắc cộng đồng dân cư, tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân. Đồng thời, việc sắp xếp còn góp phần tinh gọn bộ máy ở khu dân cư, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, giảm đầu mối hoạt động không chuyên trách ở thôn, tiết kiệm nguồn lực và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn.</p> <p>- Từ những căn cứ nêu trên, việc sắp xếp thôn Mậu Đông và thôn Mậu Tây để thành lập thôn Mậu Xương là phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm yếu tố lịch sử, văn hóa truyền thống, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.</p>

